

Bản án số: 54/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 15-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bình; bà Trịnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn ngày 09/12/2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau, hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, anh yêu cầu được ly hôn chị Hoàng Thị N.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 21/11/2009. Hiện cháu đang sống cùng anh và do anh nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh đang thuê đất, nhà của ông Trần Văn Kiệm ở thôn 6, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để ở, chứ không phải nhà, đất của vợ chồng.

Tại đơn khiếu nại v/v yêu cầu phân chia tài sản sau ly hôn đề ngày 24/4/2023, bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về con: Vợ chồng chỉ có 01 con chung như anh T trình bày. Con ở cùng mẹ (hoặc bố) chỉ tôn trọng quyết định của con và bên còn lại là bố hoặc mẹ sẽ chịu trách nhiệm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 căn nhà riêng tại thôn 6, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, mua năm 2010 sau kết hôn. Chị yêu cầu phân chia tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn T đối với nhà và đất trên.

Ngày 17/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn ra Thông báo về việc cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu cho chị N. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định và quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu về tài sản cho Tòa án, nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quy định của BLTTDS; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn chị Hoàng Thị N. Về con: Giao cháu Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 21/11/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết. Chị N yêu cầu giải quyết nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét. Về án phí: Anh T chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Hoàng Thị N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị N biết việc anh Nguyễn Văn T xin ly hôn chị. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N vắng mặt nên không thống nhất được

hướng giải quyết vụ án. Ngày 28/7/2023, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, chị N vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt không có lý do nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N kết hôn ngày 09/12/2008, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau, hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T thấy mục đích hôn nhân không đạt như mong muốn, anh yêu cầu xin ly hôn, chị N không có ý kiến gì.

HĐXX xét thấy, anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì, chứng tỏ chị N không mong muốn đoàn tụ. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 23/5/2023, đại diện thôn 5, xã Đ cho biết anh T và chị N kết hôn vào năm 2008, sau khi kết hôn anh chị sống ở nhà anh T tại thôn 6, xã Đ cho đến thời gian gần đây chị N đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà, nguyên nhân mâu thuẫn nghe nói chị N và anh T có mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế; về con: Anh T và chị N có 01 con chung, hiện cháu đang học lớp 7 trường Trung học cơ sở Nga Điền và đang sinh sống cùng với anh T và ông bà nội.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T và chị N đều thừa nhận có 01 con chung là Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 21/11/2009. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị N tôn trọng quyết định của con. Ý kiến của cháu H là nếu bố mẹ cháu không ở được với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

HĐXX thấy, từ khi anh T và chị N sống ly thân nhau tới nay cháu H ở với anh T, nguyện vọng của cháu H là được ở với bố, chị N tôn trọng quyết định của cháu. Để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như học tập của cháu, cần xử giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về mức cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết, còn bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày vợ chồng có tài sản chung là một căn nhà, chị yêu cầu phân chia tài sản chung giữa chị và anh T.

Đối với yêu cầu của bị đơn: Tòa án đã ra Thông báo số 10/TB-TA ngày 17/5/2023 yêu cầu chị N cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị trong thời hạn quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Mặt khác, anh T trình bày nhà, đất hiện tại đang ở là do anh thuê. Vì vậy, không đủ cơ

sở để HĐXX xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Khi nào chị N có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung của vợ chồng thì chị N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn chị Hoàng Thị N.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 21/11/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung sau khi ly hôn cho các đương sự khi có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh và có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0016525 ngày 31/3/2023 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; anh T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bình

Trịnh Thị Yến

Trịnh Thị Thủy